

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HSST
Ngày 07 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Vượng

2- Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tống Lan Hương- Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2017/HSST ngày 26/6/2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1975
- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Ngõ A, tổ dân phố số 4, Phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
- Nghề nghiệp: không; Văn hoá: 6/12
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Con ông: Trần Văn N, sinh năm 1937 (Đã chết)
- Con bà: Trương Thị N, sinh năm 1939
- Vợ: Dương Thị V, sinh năm 1981
- Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004;
- Gia đình bị cáo có 08 anh, chị em, bị cáo là thứ 08.
- Tiền án:

+ Bản án số 18/2011/HSST ngày 22/01/2011, Tòa án nhân dân TP. B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+ Bản án số 57/2016/HSST ngày 25/4/2016, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tài sản trộm cắp có giá trị 175.000đồng);

- Tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 50/1992/HSST ngày 16/10/1992 Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Tại bản án số 83/HSPT ngày 12/4/1996 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Tại Quyết định số 66/QĐ-XPHC ngày 16/11/2015, Công an phường X xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2017 đến nay (Có mặt)

* Người bị hại: Ông Lê Văn L, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Dương Thị V, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Trú quán: Tổ dân phố số A, phường M, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 15/6/2017, Trần Văn T đi xe mô tô biển kiểm soát 98H6- 2267 từ nhà xuống nhà mẹ vợ ở thôn Y, xã S, thành phố B nhưng không gặp ai nên quay về. Trên đường về qua nhà anh Lê Văn L, sinh năm 1972 ở thôn T, xã M, thành phố B, T thấy nhà anh L không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T để xe mô tô ở ngoài rồi đi vào khu vực chuồng vịt nhà anh L. T nhặt 01 chiếc bao tải dứa ở gần đó rồi vào chuồng vịt trộm cắp được 70 quả trứng vịt cho vào bao tải dứa. Khi T đang mang bao tải dứa đựng 70 quả trứng vịt ra ngoài thì bị Công an xã M bắt quả tang, thu giữ 01 bao tải dứa bên trong đựng 70 quả trứng vịt. Công an xã M còn tạm giữ của Trần Văn T 01 xe mô tô biển kiểm soát 98H6/2267.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 68KL-HĐĐG ngày 15/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 70 quả trứng vịt còn nguyên vẹn, không bị dập vỡ hư hỏng, có giá trị 210.000 đồng.

Ngày 21/6/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Lê Văn L 70 quả trứng vịt. Đến nay, anh L không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Quyết định số 90/QĐ-VKS ngày 26/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138- Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

* Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Quyết định đã truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33- Bộ luật hình sự năm 2009. Điều 76, Điều 99- Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 15/6/2017.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bao tải dừa đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tang vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 15/6/2017, Trần Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 70 quả trứng vịt trị giá 210.000 đồng của anh Lê Văn L, sinh năm 1972 ở thôn T, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Mặc dù tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo có 01 tiền án về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138- Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã được cải tạo, giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa nay lại thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó giáo dục và coi thường pháp luật. Cần phải xử lý bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo có một tiền án về tội “*Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy*” chưa được xoá án tích. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48- Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46- Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên đây, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo trở thành người có ích.

Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 01 bao dứa đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp được trả lại người bị hại, nay người bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đặt ra xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H6-2267 thuộc quyền sở hữu của chị Dương Thị V, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố số 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Vân ngày 21/6/2017 là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự. Điều 76, Điều 99, Điều 231 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù, thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 bao dứa đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- Công an Tp B.
- CCTHADS Tp B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyên